

Bản án số: 121/2020/HS-ST
Ngày: 26- 10 -2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hữu Trọng** và ông **Phạm Tiến Lợi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Luân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Gia Ánh** – Kiểm sát viên.

Ngày 26/10/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 114/2020/TLST-HS ngày 05/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2020/QĐXXST-HS ngày 13/10/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu Ch, sinh năm 1988; Giới tính: Nam; Quê quán: xã LĐ, C, Hà Nội; Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn LĐ, xã LĐ, huyện C, Hà Nội; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Công chức Văn hóa – xã hội; Trình độ văn hóa: 12/12; **Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam** (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 10-QĐ/UBKTHU ngày 30/9/2020); Con ông: Nguyễn Hữu Th (đã chết), con bà: Dương Thị Th; Vợ: Hoàng Thị H và 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh ngày 07/9/2020; Danh chỉ bản số 301 do Công an huyện Chương Mỹ lập ngày 30/5/2020;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại tại địa phương. Có mặt

*** Bị hại:**

1. Ông Nguyễn Thế C, sinh năm 1961;
 2. Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1960;
 3. Ông Nguyễn Thế Ph, sinh năm 1963;
 4. Ông Nguyễn Thế Th, sinh năm 1969;
- Đều trú tại: Thôn ĐT, xã LĐ, C, Hà Nội.
5. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977;
 6. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1965;
 7. Bà Đặng Thị D, sinh năm 1979

Đều trú tại: Thôn LX, xã LĐ, C, Hà Nội.

8. Bà Hoàng Thị G, sinh năm 1962;

9. Ông Hoàng Hữu Ph, sinh năm 1961;

10. Bà Lại Thị Thúy D, sinh năm 1984;

Đều trú tại: Thôn ĐT, xã LĐ, C, Hà Nội.

11. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979;

Trú tại: Thôn B, xã HD, C, Hà Nội.

12. Bà Đặng Thị D, sinh năm 1983;

Trú tại: Thôn TM, xã TH, C, Hà Nội

- Vắng mặt: Ông C, bà N, ông Ph, ông Th, bà H, bà M, bà D, bà G, ông Ph, bà D, bà L.

- Có mặt: Bà Đặng Thị D.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án thể hiện Nguyễn Hữu Ch đã thực hiện hành vi như sau:

Nguyễn Hữu Ch là Công chức Văn hóa - Xã hội xã LĐ từ tháng 10/2012, Ch được giao nhiệm vụ: Thực hiện việc chi trả chế độ đối với người được hưởng chế độ chính sách xã hội; chương trình bảo trợ xã hội, xóa đói giảm nghèo...; là thành viên, thư ký Hội đồng xác định mức độ khuyết tật xã LĐ: *Hướng dẫn và kiểm tra người khuyết tật hoặc người đại diện hợp pháp của họ hoàn thiện hồ sơ xác định mức độ khuyết tật; Tham khảo ý kiến của cơ sở giáo dục về thông tin của người được xác định mức độ khuyết tật nếu người đó đang đi học; Điền Phiếu xác định mức độ khuyết tật theo mẫu trên cơ sở kết luận của Hội đồng; Ghi biên bản các cuộc họp của Hội đồng; Xây dựng các văn bản, hoàn chỉnh, lưu giữ hồ sơ, văn bản của Hội đồng và thực hiện nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng phân công.* Trong quá trình công tác từ năm 2018 đến năm 2020, Ch đã lạm dụng chức trách, nhiệm vụ được giao, tự liên hệ, hứa hẹn với một số người dân trên địa bàn xã LĐ, C, yêu cầu nộp tiền để được làm hồ sơ hưởng đối tượng bảo trợ xã hội, gồm: 09 (chín) trường hợp đề nghị hưởng đối tượng “Người khuyết tật nặng”; 01 (một) trường hợp đề nghị hưởng đối tượng “Người đơn thân nuôi con nhỏ thuộc hộ nghèo”; 01 (một) người đã được hưởng đối tượng “Người khuyết tật nặng” nhưng đề nghị nâng mức; 01 (một) người đề nghị giữ nguyên mức của “Người khuyết tật nặng”. Tổng số là 12 trường hợp, để nhận tổng số tiền là 122.150.000 (một trăm hai mươi hai triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng), trái quy định pháp luật. Cụ thể:

1. Ông Nguyễn Thế C (SN: 1961, HKTT: thôn ĐT, xã LĐ, C): Ông C đi bộ đội bị ngã có thương tích, đã nhờ Ch hướng dẫn làm hồ sơ hưởng đối tượng bảo trợ xã hội đối với “Người khuyết tật nặng”. Ngày 09/3/2020, ông C đến phòng làm việc của Ch tại UBND xã LĐ nộp hồ sơ cho Ch và số tiền 12.000.000đ. Ch hứa sau khoảng một tháng ông C sẽ được hưởng số tiền trợ cấp là 525.000 đồng/1 tháng.

Sau khi nhận tiền, Ch không làm hồ sơ cho ông C. Sau thấy không được hưởng chế độ, ông C nhiều lần gọi điện và gặp đòi lại tiền nhưng Ch nhất lần không trả. Ngày 06/5/2020, ông C làm đơn tố giác về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Ch gửi Cơ quan CSĐT - Công an huyện Chương Mỹ. Khi Cơ quan điều tra xác minh giải quyết tố giác về tội phạm, ngày 09/5/2020 Ch đã trả lại số tiền 12.000.000 đồng cho ông C.

2. Bà Hoàng Thị N (SN: 1960, HKTT: thôn ĐT, xã LĐ, C): Đã được hưởng đối tượng “Người khuyết tật nặng”, mức trợ cấp hệ số: 1.5; Số tiền trợ cấp là: 525.000 đồng/tháng, kể từ ngày 01/8/2018, theo Quyết định số 4940/QĐ-UBND ngày 01/8/2018 của UBND huyện Chương Mỹ. Khoảng tháng 3/2019, Ch đến nhà bà N đặt vấn đề làm hồ sơ nâng mức hưởng trợ cấp của người khuyết tật cho bà N lên 1.050.000 đồng/tháng. Bà N hỏi Ch nâng chế độ thì chi phí mất bao nhiêu, Ch nói hết 4.000.000 đồng. Ch nói với bà N sau khoảng một tháng sau sẽ được hưởng mức là 1.050.000 đồng/tháng. Bà N đồng ý và đưa cho Ch 2.000.000 đồng. Cùng trong tháng 3/2019, anh Nguyễn Xuân Long (SN: 1996 - con trai bà N) giao nốt cho Ch số tiền 2.000.000 đồng tại khu vực thôn T, thị trấn CS, huyện C. Sau khi nhận tiền, Ch không làm hồ sơ cho bà N. Bà N và anh Long nhiều lần điện thoại, nhắn tin, gặp trực tiếp để đòi lại số tiền trên, nhưng Ch không trả. Ngày 06/5/2020, bà N làm đơn tố giác về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Ch gửi Cơ quan CSĐT - Công an huyện Chương Mỹ. Khi Cơ quan điều tra xác minh giải quyết tố giác về tội phạm, ngày 09/5/2020 Ch đã trả lại số tiền 4.000.000 đồng cho bà N.

3. Ông Nguyễn Thế Ph (SN: 1963, HKTT: thôn ĐT, xã LĐ): Ngày 12/4/2019, Ch biết ông Ph bị đau chân do bị tai biến mạch máu não. Sau đó, Ch mời ông Ph về phòng làm việc tại UBND xã trao đổi, hứa hẹn có thể làm hồ sơ cho ông Ph được hưởng đối tượng “Người khuyết tật nặng” với số tiền trợ cấp là 700.000 đồng/1 tháng và bảo ông Ph về nhà photô Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, chụp 02 ảnh 3x4 và số tiền 15.000.000 đồng. Ông Ph nhất trí, về nhà chuẩn bị đủ hồ sơ và đem số tiền 15.000.000 đến phòng làm việc đưa hồ sơ cùng số tiền trên cho Ch. Ch hứa đến tháng 5/2019, ông Ph sẽ được hưởng chế độ. Sau đó, thấy không được hưởng chế độ, ông Ph hỏi thì Ch nói đang làm thủ tục. Đến ngày 17/02/2020, ông Ph gặp yêu cầu Ch viết giấy nhận tiền để làm hồ sơ chế độ cho ông Ph và hẹn đến tháng 5/2020 sẽ có Quyết định, nhưng sau đó Ch không làm hồ sơ cho ông Ph. Đến ngày 08/5/2020, ông Ph làm đơn tố giác về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Ch gửi Công an xã LĐ, Chương Mỹ. Sau khi tiếp nhận đơn trình báo, Công an xã LĐ hoàn thiện hồ sơ và báo cáo chuyển hồ sơ vụ việc trên cho Cơ quan CSĐT - Công an huyện Chương Mỹ thụ lý theo thẩm quyền. Khi Cơ quan điều tra xác minh giải quyết tố giác về tội phạm, ngày 09/5/2020 Ch đã trả lại số tiền 15.000.000 đồng cho ông Ph.

4. Ông Nguyễn Thế Th (SN: 1969, HKTT: thôn ĐT, xã LĐ): Khoảng cuối năm 2018, ông Th lên UBND xã LĐ gặp Ch nhờ làm hồ sơ chế độ “Người khuyết tật nặng” cho con trai là Nguyễn Thế Nhật Anh (SN 2014), bị bệnh tự kỷ, nhận thức kém. Ch hướng dẫn, yêu cầu ông Th nộp hồ sơ cho Ch gồm: 01 (một) bản photo Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, 02 ảnh 3x4 và số tiền 1.150.000 đồng để Ch đưa cháu Nhật Anh đi giám định. Khoảng 10 ngày sau, Ch điện thoại yêu cầu ông Th nộp tiếp cho Ch số tiền 4.500.000 đồng tại UBND xã LĐ. Khoảng 20 ngày sau, Ch tiếp tục yêu cầu ông Th nộp số tiền là 9.500.000 đồng cho Ch tại nhà bà Hoàng Thị H (SN 1969) là chị dâu ông Th cùng thôn. Tổng số tiền Ch nhận của ông Th 03 lần là 15.150.000 đồng. Sau đó, không thấy Ch làm hồ sơ cho cháu N. Đến ngày 20/12/2018, ông Th yêu cầu Ch viết giấy nhận số tiền 15.000.000 đồng của ông Th.

Sau khi nhận hồ sơ, tiền của ông Th, Ch nộp hồ sơ của cháu Nguyễn Thế N cho Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Chương Mỹ gồm: 02 ảnh 3x4, 01 ảnh chân D 9x12; 01 biên bản họp của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật của xã LĐ và số tiền 1.150.000 đồng. Ngày 03/01/2020, cán bộ Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Chương Mỹ đã nộp số tiền 1.150.000 đồng, kèm theo hồ sơ trên cho Trung tâm giám định y khoa Hà Nội, để làm thủ tục giám định cho cháu Nguyễn Thế N và chuyển lại biên lai thu tiền để Ch thông báo cho công dân đi khám giám định (theo giấy hẹn vào ngày 06/01/2020). Đến hẹn, gia đình có việc bận nên không đưa cháu N đi khám giám định, sau này Ch không làm được chế độ cho cháu N, ông Th có đòi lại tiền nhưng Ch khát lần không trả. Đến ngày 11/5/2020, ông Th làm đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Ch. Ngày 18/5/2020, Ch đã trả số tiền 15.150.000 đồng cho ông Th.

5. Bà Nguyễn Thị H (SN: 1977, HKTT: thôn LX, xã LĐ): Năm 2010, bà H mổ tim nên sức khỏe yếu. Khoảng cuối năm 2018, bà H gặp Ch nhờ làm hồ sơ hưởng chế độ trợ cấp người khuyết tật, Ch trả lời chưa có. Đến ngày 21/3/2019, Ch điện thoại cho bà H nói có 03 suất và hỏi bà H có làm không, bà H đề nghị Ch làm hồ sơ cho bà H, bà Đặng Thị D, bà Nguyễn Thị M đều bị bệnh tim, để hưởng chế độ người khuyết tật. Ch đồng ý, hướng dẫn bà H là mỗi người chuẩn bị hồ sơ gồm: Photo chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và 01 ảnh 3x4cm và nộp số tiền là 10.000.000 đồng/người, sau 03 tháng sẽ được nhận tiền chế độ. Ngày 22/3/2019, bà H gặp Ch tại phòng làm việc, đã đưa cho Ch số tiền 10.000.000 đồng và hồ sơ theo yêu cầu của Ch.

6. Bà Nguyễn Thị M (SN: 1965, HKTT: thôn LX, xã LĐ): Ngày 23/3/2019, bà H đưa bà M gặp Ch tại phòng làm việc, bà Mùi đưa số tiền 12.000.000 đồng cùng hồ sơ theo yêu cầu cho Ch.

7. Bà Đặng Thị D (SN: 1979, HKTT: thôn LX, xã LĐ): Ngày 22/3/2019, bà H đưa bà D đến gặp Ch tại phòng làm việc, đã đưa cho Ch số tiền 10.000.000 đồng và hồ sơ theo yêu cầu của Ch.

Sau khi nhận tiền, Ch không làm hồ sơ cho bà H, bà M, bà D. Đến hạn, thấy không được nhận tiền chế độ, bà H gọi điện hỏi, Ch nói chưa được. Sau đó, Ch gọi bà H lên UBND xã LĐ và đưa cho bà H 03 (ba) Giấy viết tay, ghi vay số tiền đề ngày 20/4/2019, thể hiện số tiền mà Ch đã nhận của bà H, bà D, bà M nêu trên. Khi Cơ quan điều tra xác minh giải quyết tố giác về tội phạm, ngày 18/5/2020 Ch đã trả lại số tiền 10.000.000 đồng cho bà H, số tiền 12.000.000 đồng cho bà M, số tiền 10.000.000 đồng cho bà D.

8. Bà Hoàng Thị G (SN:1962, HKTT: thôn ĐT, xã LĐ): Năm 2011, bà G bị tai nạn, cắt 04 ngón tay của bàn tay trái, ảnh hưởng đến sức khỏe. Khoảng tháng 4/2018, bà G gặp Ch tại phòng làm việc đề nghị làm hồ sơ chế độ người khuyết tật. Ch hướng dẫn bà G nộp hồ sơ cho Ch gồm: 01 (một) bản photo Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và 02 ảnh 3x4, 01 ảnh 9x12. Sau khi nhận hồ sơ của bà G, Ch có báo cáo Hội đồng xác định mức độ khuyết tật xã LĐ họp xét duyệt. Ngày 31/5/2018, Hội đồng xác định mức độ khuyết tật xã LĐ đã họp. Kết quả các thành viên Hội đồng 7/8 người xác định bà G hưởng mức khuyết tật nhẹ. Khi có kết quả họp, Ch thông báo cho bà G là không đủ điều kiện, muốn làm chế độ thì phải nộp tiền. Sau đó bà G có nhờ ông Nguyễn Xuân B (SN 1958) ở cùng thôn (nguyên là Trạm trưởng Trạm y tế xã LĐ), đưa số tiền 4.000.000 đồng cho Ch. Tiếp đến, ngày 31/01/2019, bà G gặp Ch tại UBND xã LĐ, Ch yêu cầu bà G phải nộp thêm 2.000.000 đồng. Bà G đưa cho Ch số tiền 2.000.000 đồng, Ch viết tay nhận số tiền 6.000.000 đồng của bà G. Sau khi nhận tiền, Ch hứa hẹn sẽ làm hồ sơ hưởng chế độ “Người khuyết tật nặng” cho bà G. Ngày 21/11/2019, Ch hoàn thiện lại hồ sơ và nộp hồ sơ đề nghị hưởng chế độ người khuyết tật nặng cho bà G lên Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Chương Mỹ. Sau khi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Chương Mỹ kiểm tra hồ sơ, ngày 27/11/2019 đã thông báo bà G không đủ điều kiện hưởng chế độ người khuyết tật nặng. Ch thông báo cho bà G là không được và bà G gặp Ch đòi lại số tiền trên. Đến ngày 12/3/2020, Ch đã trả lại số tiền 6.000.000 đồng cho bà G.

9. Ông Hoàng Hữu Ph (SN: 1961, HKTT: thôn ĐT, xã LĐ): Khoảng đầu tháng 9/2019, Ch gọi điện thoại cho ông Ph hỏi có làm hồ sơ chế độ “Người khuyết tật” cho bà Nguyễn Thị Dạ (SN: 1962 - vợ ông Ph) không. Ông Ph đồng ý. Ch đến nhà ông Ph hướng dẫn làm hồ sơ chế độ cho bà Dạ với mức hưởng trợ cấp là 525.000 đồng/1 tháng và yêu cầu nộp cho Ch số tiền 12.000.000 đồng, phải đưa trước cho Ch 5.000.000 đồng. Ông Ph đưa cho Ch 5.000.000 đồng tại nhà. Ngày 19/9/2019, Ch tiếp tục đến nhà gặp ông Ph lấy nốt số tiền 7.000.000 đồng. Ch nhận tiền và viết giấy vay số tiền 12.000.000 đồng để lo công việc. Ch hứa hẹn với ông

Ph đến tháng 4/2020 nếu không lo được cho bà D hưởng chế độ sẽ hoàn trả tiền. Sau khi nhận tiền, Ch không làm hồ sơ cho bà D. Khi Cơ quan điều tra xác minh giải quyết tố giác về tội phạm, ngày 09/5/2020 Ch trả lại số tiền 12.000.000 đồng cho ông Ph.

10. Bà Lại Thị Thúy D (SN: 1984, HKTT: thôn ĐT, xã LĐ): Khoảng tháng 01/2020, bà D lên UBND xã LĐ gặp Ch, để liên hệ làm hồ sơ chế độ “Người đơn thân nuôi con nhỏ thuộc hộ nghèo”. Ch hướng dẫn bà D làm hồ sơ gồm: Bản phô tô Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy báo tử của chồng, kèm theo đơn trình UBND xã LĐ có xác nhận của cơ sở thôn ĐT và yêu cầu nộp số tiền 7.500.000 đồng cho Ch. Khoảng tháng 02/2020, bà D mang hồ sơ và số tiền 7.500.000 đồng lên phòng làm việc đưa cho Ch. Sau khi nhận tiền, Ch hứa hẹn với bà D sau Tết Nguyên Đán là có kết quả, nhưng sau đó Ch không làm hồ sơ cho bà D. Khi Cơ quan điều tra xác minh giải quyết tố giác về tội phạm, ngày 09/5/2020 Ch trả lại số tiền: 7.500.000 đồng cho bà D.

11. Bà Nguyễn Thị L (SN: 1979, HKTT: thôn B, xã HD, huyện Chương Mỹ): Trước đây lấy chồng về thôn U, xã LĐ, huyện Chương Mỹ đã được hưởng chế độ “Người tâm thần” tại xã LĐ từ ngày 26/02/2013 với mức tiền trợ cấp 525.000 đồng/1 tháng, đến ngày 23/10/2019 thì chuyển nhận chế độ “Người khuyết tật nặng” tại xã HD cho đến nay. Khoảng tháng 5/2019, Ch điện thoại cho bà L bảo “Nếu không chạy tiền thì sẽ bị cắt chế độ, do khỏe rồi”. Bà L nói với Ch “Có gì giúp chị”, Ch yêu cầu bà L phải nộp số tiền 9.000.000 đồng để Ch làm thủ tục giữ lại chế độ. Ngày 18/5/2019, bà L đưa cho Ch số tiền 9.000.000 đồng tại khu vực thôn T, thị trấn CS, C, Hà Nội nhưng Ch không làm hồ sơ cho bà L. Khi Cơ quan điều tra xác minh giải quyết tố giác về tội phạm, ngày 20/5/2020 Ch trả lại số tiền: 9.000.000 đồng cho bà L.

12. Bà Đặng Thị D (SN: 1983, HKTT: Thôn U, xã LĐ; Chỗ ở hiện nay: thôn TM, xã TH): Bà D có em gái là Đặng Thị B (SN 1995; ở thôn U, xã LĐ, huyện Chương Mỹ) bị bệnh rối loạn cảm xúc. Khoảng tháng 6/2019, bà D đặt vấn đề với Ch để lo làm chế độ trợ cấp “Người khuyết tật nặng” cho em gái mình, Ch nhận lời, báo chi phí làm chế độ hết 12.000.000 đồng và hứa hẹn là đến tháng 8/2019 có kết quả với mức trợ cấp là 525.000đ/tháng. Sau đó, bà D cùng bố đẻ là ông Đặng Đình L (SN: 1957) lên phòng làm việc của Ch tại UBND xã LĐ và đưa số tiền 10.000.000 đồng, Ch nhận tiền hẹn khi xong việc sẽ lấy nốt 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, qua nhiều lần liên lạc nhưng không có kết quả. Ngày 09/7/2020, bà Đặng Thị D làm đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Ch và yêu cầu Ch phải trả lại số tiền 10.000.000 đồng. Đến nay, Ch chưa trả lại số tiền trên cho gia đình bà D.

Ngày 01/6/2020, CQĐT ra Quyết định trưng cầu giám định số 216 yêu cầu giám định về chữ viết và chữ ký. Kết luận giám định số 5784/KLGĐ-PC09-Đ4

ngày 02/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an TP Hà Nội kết luận: “Chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Hữu Ch trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A1 đến A19 - trừ chữ “Th” tại các dòng họ tên “Nguyễn Thế C” trên mẫu cần giám định ký hiệu A8) với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Hữu Ch trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M3) là do cùng một người viết và ký ra”.

* Về trách nhiệm dân sự: Tổng số tiền Nguyễn Hữu Ch chiếm đoạt của 12 bị hại là 122.150.000đồng.

Từ ngày 09 đến 20/5/2020, Ch đã khắc phục hậu quả, trả lại cho 11/12 bị hại là: Ông Nguyễn Thế C, Hoàng Thị N, Nguyễn Thế Ph, Nguyễn Thế Th, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị M, Đặng Thị D, Hoàng Thị G, Hoàng Hữu Ph, Lại Thị Thúy D, Nguyễn Thị L. Đến nay, những ông/bà này không yêu cầu Ch phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác và đề nghị xem xét, tạo điều kiện giúp đỡ Ch.

Còn 01 bị hại là bà Đặng Thị D: Đến nay, bị cáo Ch chưa trả cho bà D số tiền 10.000.000 đồng, bà D đề nghị Ch phải có trách nhiệm trả lại số tiền trên cho bà D.

Tại Bản Cáo trạng số 117/CT-VKS ngày 30/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ truy tố Nguyễn Hữu Ch về tội “Lạm dụng, chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 355 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Nguyễn Hữu Ch khai nhận Thực hiện hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố là đúng, không oan. Bị cáo thừa nhận, với chức năng nhiệm vụ được giao thì bị cáo không được phép thu tiền của những người bị hại này; nhưng do bị cáo cần tiền trả nợ, nên bị cáo bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của các bị hại. Đến nay bị cáo rất ân hận về việc đã làm; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị hại – bà Đặng Thị D: Xác nhận đã đưa cho bị cáo Ch 10.000.000 đồng để bị cáo Ch lo làm chế độ trợ cấp “người khuyết tật nặng cho em gái bà. Đến nay, bị cáo Ch mới hoàn trả lại cho bà 2.000.0000 đồng; bà yêu cầu Ch phải hoàn trả nốt cho bà 8.000.000 đồng. Bà đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Ch. Đề nghị tuyên bố bị cáo Ch phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 355; điểm b, r, s khoản 1,2 (bị hại xin giảm nhẹ) Điều 51 Bộ luật hình sự; phạt Ch từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Ch phải bồi thường cho bà Đặng Thị D 8.000.000 đồng. Do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 5 Điều 355. Đề nghị cấm bị cáo Ch đảm nhiệm các chức vụ về quản lý kinh tế và quản lý hành chính Nhà nước trong thời hạn 05 (năm) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Về quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; cơ quan truy tố; hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về: Khởi tố vụ án, khởi tố bị can, phê chuẩn quyết định khởi tố bị can; về các biện pháp điều tra như lấy lời khai bị can, lấy lời khai bị hại, người làm chứng, thu thập vật chứng vụ án, Thực hiện giám định tài liệu; xác minh lý lịch, nhân thân của bị can; về việc giao nhận các văn bản tố tụng cho bị can, bị hại. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại đều không khiếu nại về việc: Bị Điều tra viên, Kiểm sát viên mớm cung, ép cung, bức cung, nhục hình, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Các tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án được thu thập đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên là chứng cứ của vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét lời khai của bị cáo Ch tại phiên tòa, thấy phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Từ năm 2018 đến năm 2020, Nguyễn Hữu Ch là Công chức Văn hóa – xã hội tại UBND xã LĐ, C, trong quá trình công tác đã có hành vi lạm dụng chức trách, nhiệm vụ được giao tự liên hệ nhận tiền và hứa hẹn với một số công dân trên địa bàn xã LĐ là sẽ làm được hồ sơ đối tượng được hưởng chế độ bảo trợ xã hội là “Người khuyết tật nặng”, “Người đơn thân nuôi con nhỏ thuộc hộ nghèo” nâng mức trợ cấp hoặc giữ nguyên mức trợ cấp xã hội cho 12 trường hợp trên địa bàn xã LĐ, C nhằm chiếm đoạt tài sản của 12 bị hại, với tổng số tiền là 122.150.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng), mỗi lần chiếm đoạt đều trên 2.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Hữu Ch đã phạm vào tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 355 Bộ luật hình sự.

Tại Điều 355 quy định:

“1. Người nào lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 06 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, đây thì bị phạt tù từ 06 năm đến 13 năm;

...

c, Phạm tội 02 lần trở lên

d, Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”;

Hành vi lạm dụng là công chức Văn hóa – xã hội, để tự liên hệ nhận tiền và hứa hẹn với một số công dân của xã LĐ, rồi chiếm đoạt tiền của họ của bị cáo Ch đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức; làm cho cơ quan, tổ chức bị suy yếu, mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân vào chính quyền; ngoài ra còn xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ; hành vi này là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo Ch có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi của mình là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện, nên cần phải có hình phạt tù nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo và dẫn dắt phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đã bồi thường cho 11/12 bị hại và những người được bồi thường đã đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo đã tự chủ động khai báo ra 08 trường hợp (bà H, bà M, bà D, bà G, ông Ph, bà Lại Thị Thúy D, bà L, bà Đặng Thị D) khi họ chưa có đơn tố giác tội phạm và đã hoàn trả lại tiền cho một số người này trước khi khởi tố vụ án. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết quy định tại điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về áp dụng hình phạt bổ sung:

- Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản quy định tại khoản 5 Điều 355 Bộ luật hình sự.

- Cấm bị cáo đảm nhiệm các chức vụ về quản lý kinh tế và quản lý hành chính Nhà nước trong thời hạn 05 (năm) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù theo quy định tại khoản 5 Điều 355.

[2.2] Về trách nhiệm dân sự: Tổng số tiền Nguyễn Hữu Ch chiếm đoạt của 12 bị hại.

Từ ngày 09 đến 20/5/2020, Ch đã khắc phục hậu quả, trả lại cho 11/12 bị hại là: Ông Nguyễn Thế C, Hoàng Thị N, Nguyễn Thế Ph, Nguyễn Thế Th, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị M, Đặng Thị D, Hoàng Thị G, Hoàng Hữu Ph, Lại Thị Thúy D, Nguyễn Thị L. Đến nay, những ông/bà này không yêu cầu Ch phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác và đề nghị xem xét, tạo điều kiện giúp đỡ Ch; do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết phần trách nhiệm dân sự đối với 11 bị hại.

Còn 01 bị hại là bà Đặng Thị D: Bị cáo Ch và bị hại D đều xác nhận, số tiền còn lại Ch chưa trả là 8.000.000 đồng, bà D đề nghị Ch phải có trách nhiệm trả lại số tiền này, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D, buộc Ch phải trả lại cho bà D 8.000.000 đồng.

[2.3] Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo Ch phải chịu án phí hình sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm c, d khoản 1, khoản 5 Điều 355; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

2. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Hữu Ch** phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

3. Phạt **Nguyễn Hữu Ch: 06(sáu) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Cấm bị cáo Nguyễn Hữu Ch đảm nhiệm các chức vụ về quản lý kinh tế và quản lý hành chính Nhà nước trong thời hạn 05 (năm) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo Nguyễn Hữu Ch phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt còn lại cho bà Đặng Thị D là 8.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc Nguyễn Hữu Ch phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7. Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại **có mặt** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. **Bị hại vắng mặt** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Công an huyện Chương Mỹ;
- CC THA dân sự huyện Chương Mỹ;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- Bị cáo; bị hại;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- L: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tuyết Mai